

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-PT
Ngày 05 - 6 - 2024

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thanh Tùng và bà Nguyễn Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐ-PT ngày 14 tháng 5 năm 2024; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 22/5/2024 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1960.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số nhà 8A, tổ 2, phố PDD, thị trấn PD, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957.

- Ông Hoàng Văn Ch, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Phong Nh, sinh ngày 01/6/1964.

Địa chỉ: Xóm ĐT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị V và ông Hoàng Văn Ch: ông Vũ Văn Th và ông Trịnh Ngọc Bảo K - Luật sư, Công ty luật hợp danh INCIP, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 24, ngõ 463, ĐC, pU VP, quận BD, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà 702, CT8, pU Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3.2. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1953; Địa chỉ: Xóm 5, xã CT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số nhà 15, phố PDN, thị trấn PD, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm 5, xã ND, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ph (tên gọi khác: Nguyễn Lan Ph), sinh năm 1969; Địa chỉ: Xóm 2, xã Hùng Tiến, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.6. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1972; Địa chỉ: Xóm 13, xã KT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.7. Anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm ĐT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.8. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.9. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 5, đường 2, phố BD, pU NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3.10. Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 2, đường 2, phố BD, pU NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của chị A, chị E: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 8A, tổ 2, phố PDD, thị trấn PD, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 4 năm 2023.).

3.11. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm ĐT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.12. Ông Phạm Văn U, sinh năm 1970; Địa chỉ: Xóm 4, xã KT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.13. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm 4, xã KT, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3.14. Ủy ban nhân dân xã VH; Địa chỉ: Xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã VH: Ông Trần Văn S -chức vụ: Chủ tịch UBND xã VH; là người đại diện theo pháp luật.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1962.

4.2. Bà Dương Thị Th, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Xóm 5, xã TK, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1973.

4.4. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Xóm TC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.5. Anh Bùi Văn A, sinh năm 1972.

4.6. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Xóm ĐH, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.7. Ông Đậu Mạnh Đ; địa chỉ: Xóm 3, xã Định Hóa, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.8. Ông Vũ Văn huy, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.9. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm ĐT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.10. Ông Vũ Văn R; địa chỉ: Xóm 6, xã Định Hóa, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.11. Ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 5, xã ĐH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.12. Bà Phan Thị D, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 6, xã ĐH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.13. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm 1, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.14. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.15. Ông Lê Văn M, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

4.16. Bà Đặng Thị Ph, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm TT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh.

Tại phiên toà: ông Ch, bà V, bà Nh, ông Th, ông K (có mặt).

Ông Đ, bà H, bà L, bà Tr, bà Th, bà T, bà Ph, chị A, chị E, chị U, anh H, ông U, bà M, ông S, ông B, bà Th, ông R, ông Ch, bà D, ông Đ, bà Ph (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

Chị O, anh I, anh H, chị H, anh A, chị L, ông M, ông T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H đồng thời bà H là người đại diện theo ủy quyền của chị A, chị E trình bày:

Cụ Nguyễn Xuân Q (sinh năm 1927, chết ngày 20/8/2018) và cụ Vũ Thị U (sinh năm 1928, chết ngày 26/3/2019), hai cụ sinh được 9 người con chung là: ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Quốc Đ, bà Nguyễn Thị Phong Nh, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Ph. Ông Y (chết năm 1990), ông Y có 6 người con là: chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn I, chị Nguyễn Thị U, chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị E và anh Nguyễn Văn H. Trước khi chết, ngày 12/6/2018 cụ Q và cụ U lập di chúc để lại toàn bộ khối tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ Q và cụ U cho vợ chồng con trai là ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H gồm:

- Nhà hai tầng kiên cố, diện tích 50m² ở cạnh chợ VH (chưa được cấp GCNQSD đất nhưng có biên lai thu tiền đất của UBND xã VH).
- Nhà bên trong chợ VH diện tích khoảng 24m², đất là đất tái định cư.
- Thửa đất số 552, tờ bản đồ 1A, bản đồ xã VH, diện tích 110m². (GCNQSD đất số AI 677119 ngày 23/8/2007 mang tên ông Nguyễn Xuân Q).
- Thửa đất số 553, tờ bản đồ 1A, bản đồ xã VH, diện tích 110m². (GCNQSD đất số AI 677120 ngày 23/8/2007 mang tên ông Nguyễn Xuân Q).
- Số tiền 20.000.000 đồng ông Hoàng Văn Ch vay.
- 69 chỉ vàng bà Nh giữ.

Hiện tại nhà hai tầng cạnh chợ và nhà (quán) trong chợ VH do vợ chồng bà V, ông Ch quản lý; khoản nợ 20.000.000 đồng ông Ch quản lý; 69 chỉ vàng bà Nh quản lý.

Ngày 12/8/2019 ông Đ, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chia thừa kế các tài sản nêu trên, (riêng quyền sử dụng đất có nhà hai tầng bên cạnh chợ VH và quyền sử dụng đất có nhà (quán) ở trong chợ VH không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do: đất chưa được cấp GCNQSD đất và còn có tranh chấp về quyền sử dụng đất với UBND xã VH).

Đối với hai thửa đất số 552, tờ bản đồ 1A tại xã VH, diện tích 110m²; thửa đất số 553, tờ bản đồ 1A, (nay là thửa đất số 73 và thửa đất số 74), tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã VH lập năm 2012, chỉnh lý năm 2021 tại xã VH diện tích mỗi thửa là 110m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Xuân Q. Căn cứ Bản án sơ thẩm số 06 ngày 08/11/2019 và bản án Phúc thẩm số 08 ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử vợ chồng

ông Đ, bà H đã được toàn quyền sử dụng, đồng thời đã được thi hành theo hai bản án trên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mang tên hai vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ và Trần Thị H. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông Đ, bà H đã làm các thủ tục tặng cho các con là anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Hoàng Thị Đ2. Quá trình sử dụng do các con không có nhu cầu sử dụng nên anh Nguyễn Văn Đ1, chị Hoàng Thị Đ2 đã làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M. Hiện 2 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 465069 và số DK 465070 ngày 29/5/2023 mang tên ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M.

Ông Đ, bà H khẳng định khi lập di chúc thì cụ Q và cụ U hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn sáng suốt, việc lập di chúc bằng văn bản của hai cụ Q và cụ U có sự chứng kiến xác nhận của hai người làm chứng là ông Phạm Văn Y và bà Dương Thị Th, đồng thời ông Y, bà Th cùng ký xác nhận vào bản di chúc của cụ Q và cụ U.

Trong quá trình Tòa án sơ thẩm và Tòa phúc thẩm tỉnh Ninh Bình giải quyết (năm 2019 -2020). Bị đơn bà V, ông Ch, bà Nh đã yêu cầu Tòa án giám định Bản di chúc của cụ Q và cụ U ngày 12/6/2018. Tại quyết định Trung cầu giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình đã kết luận chữ ký của cụ Q và cụ U trong bản di chúc đó với chữ ký, chữ viết của cụ Q, cụ U khi hai cụ còn sống chính là một người viết ra. Do đó, ông Đ, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế số tài sản nêu trên của cụ Q, cụ U để lại theo bản di chúc lập ngày 12/6/2018.

Ngoài những tài sản của cụ Q, cụ U đã kê khai và định đoạt trong bản di chúc, còn một số tài sản là đồ lặt vặt trong gia đình như giường, tủ, kệ gỗ, ghế mát xa điều hòa, bếp từ, quạt trần gắn với nhà ở xã VH, đây là những đồ dùng sinh hoạt phục vụ cho cuộc sống của hai cụ khi còn sống. Nay ông Đ, bà H không đề nghị Tòa án xem xét để phân chia vì thực tế những đồ dùng phục vụ sinh hoạt cho cụ Q, cụ U khi còn sống đến nay cũng không còn giá trị sử dụng, có những vật dụng đã bị mất và hỏng hóc.

Tại Bản tường trình ngày 20/5/2019, Bản tường trình ngày 19/8/2019; Đơn phản tố ngày 28/3/2023, Đơn phản tố ngày 07/4/2023 Đơn phản tố bổ sung ngày 28/3/2023 các văn bản khác và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh và ông Hoàng Văn Ch cùng trình bày:

Về quan hệ gia đình, quan hệ Yết thống bà V, bà Nh, ông Ch trình bày phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Bà V, bà Nh, ông Ch có ý kiến về tính pháp lý đơn xin lập di chúc của cụ Q, cụ U, đề nghị Tòa án xem xét hai vấn đề, đó là: Thẩm tra lại tính xác thực chữ ký của cụ Q, cụ U vì chữ ký của cụ Q khi còn ở VH không giống với chữ ký trong bản di chúc; Đề nghị làm rõ tính xác thực của nội dung “Trong trạng thái

hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, không bị đe dọa, không bị cưỡng ép” trong đơn xin lập di chúc của hai cụ. Ngày 07/4/2023 bà V, ông Ch có đơn phản tố xác định “ Đây là bản di chúc hoàn toàn giả mạo, một bản di chúc không đủ căn cứ pháp luật để công nhận là bản di chúc hợp pháp. Nội dung của bản di chúc đề ngày 12/6/2018 là do ông Đ bà H lợi dụng cụ Q, cụ U già yếu không còn minh mẫn nên thông đồng với người làm chứng để qua mặt 7 người con khác trong gia đình để chiếm đoạt tài sản của người khác...”. Các bị đơn trình bày nếu di chúc có hợp pháp thì di sản của các cụ cũng không còn để chia. Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn thay đổi lời khai và khẳng định bản di chúc là giả mạo, không hợp pháp, do có nhiều gian dối. Các bị đơn đưa ra quan điểm như sau:

Đối với căn nhà 02 tầng ở cạnh chợ VH, nguồn gốc là quán bán hàng ngay từ khi thành lập chợ VH khoảng năm 1987 - 1989 bà V đã cùng cụ U buôn bán hàng vật ở chợ, từ chỗ chỉ có 2 - 3m², với một chỗ ngồi sau đó được bạn hàng nhượng lại nên bà V và cụ U đã dựng lên quán tạm có diện tích khoảng 24m². Năm 1993 cụ U lên thị trấn PD ở cùng cụ Q. Từ quán nhỏ thành nhà hai tầng kiên cố như hiện nay đã trải qua 4 lần coi nới, sửa sang, xây mới vào mốc thời gian: Năm 1995 -1996 gia đình bà V, ông Ch xây lại bằng gạch lợp Pro, đến năm 1999 -2000 xây lại lần thứ 2, gia đình bà V, ông Ch sử dụng quán đó để bán thuốc từ năm 1993 đến năm 2005 thì cụ Q, cụ U về quê ở cùng với vợ chồng bà V, ông Ch. Năm 2010 cụ Q và cụ U xây lại thành nhà hai tầng như hiện nay. Hai cụ đã giao toàn quyền cho vợ chồng bà V, ông Ch trong việc mua vật liệu, thuê thợ xây dựng nhà. Vợ chồng ông Đ không có đóng góp, giúp đỡ về tiền bạc cũng như công sức mà chỉ có vợ chồng bà V, ông Ch giúp các cụ xây dựng nhà, vì vậy các cụ đã cho vợ chồng bà V, ông Ch 01 cây vàng. Nay hai cụ Q, cụ U đã chết, bà V là con nên có toàn quyền ở nhà đó của bố mẹ. Tại phiên tòa sơ thẩm lần một (năm 2019) bà V xác định: “Căn nhà hai tầng là tài sản của bố mẹ tôi; việc sửa chữa xây dựng thêm và mua sắm các thiết bị sinh hoạt trong nhà như điều hòa, bếp từ, quạt trần...được mua sắm từ tiền chi phí cho bố mẹ”. Quá trình giải quyết vụ án ông Ch, bà V thay đổi lời khai và không thừa nhận nội dung đã nhận của cụ Q 01 cây vàng là công sức giúp cụ Q làm nhà hai tầng cạnh chợ VH. Ông Ch, bà V khẳng định nhà hai tầng cạnh chợ VH hoàn toàn là tiền, công sức của vợ chồng ông Ch, bà V, không ai trong gia đình có công sức hay đóng góp gì, vì vậy đó hoàn toàn là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Ch và bà V.

Đối với quán trong chợ VH: Khi thành lập chợ, cụ Q và cụ U được chia 01 nền quán khoảng 15m², chính quyền xã yêu cầu các gia đình phải xây dựng ngay để đưa chợ vào hoạt động, gia đình nào không xây thì xã sẽ lấy ra giao cho người khác; Vì vậy cụ U đã cho bà V xây làm chỗ bán hàng. Ông Ch và bà V đã mua vật liệu về để xây dựng quán, sau đó sửa chữa 4 lần và sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Bà V, ông Ch khẳng định toàn bộ tiền bạc xây quán là do tiền của vợ chồng bà V, chứ không có ai đóng góp gì. Ngoài ra tại biên bản hòa

giải ngày 12/8/2019 bà V còn xác định: Quán ở trong chợ hai cụ đã cho bà V, sau đó hai cụ bán cho chị U (là cháu nội), sau khi bán một thời gian chị U trả lại thì quán đó vẫn là của bà V vì nếu chị U sử dụng thì hai cụ sẽ bù cho bà V chỗ khác. Do vậy, quán trong chợ đó là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà V, ông Ch, không phải của cụ Q, cụ U, nên ông Đ, bà H không có quyền đòi quyền thừa kế.

Đối với thửa đất số 552 và thửa đất số 553 ở xã VH: Năm 2007 cụ Q và cụ U đầu giá được 04 xuất đất ở đường ngang ĐH, ngày 23/8/2007 được cấp GCNQSDĐ (trong đó có thửa số 552 và thửa 553). Ngày 25/12/2014 cụ Q và cụ U ủy quyền cho 07 người con gái có quyền quyết định bán 04 xuất đất để lấy tiền chi tiêu nuôi dưỡng bố mẹ. Sau đó, hai cụ đã cho và làm thủ tục sang tên cho cháu I là cháu đích tôn 01 xuất; Còn lại 03 xuất, do một số chị em ở xa không có điều kiện tập chung nên thống nhất giao cho bà V toàn quyền rao bán. Bà V bán 03 xuất được 370.000.000đ, tiền bán đất đã giao cho bà Nh, bà Ph, bà T giữ để chi tiêu cho hai cụ (thực tế trong số tiền bán đất ông Đ, bà H hưởng lợi 41.000.000 đồng gồm bà T đưa 15.000.000 đồng tiền mặt, 01 tivi Samsung 49 inch giá 20.000.000 đồng, 01 bếp sủi mùa đông, 01 máy mát sa khoảng 6.000.000 đồng đều mua từ tiền bán đất hiện ông Đ, bà H đang sử dụng). Trong 03 xuất đất nêu trên có 01 xuất bán được 130.000.000 đồng và đã làm xong thủ tục cYên quyền cho người mua, tiền bán đất đã được nhập vào quỹ để chi tiêu chung cho cụ Q, cụ U khi còn ở VH với vợ cH bà; Còn 02 xuất là thửa 552 và thửa 553 hai cụ đã ký hồ sơ cYên nhượng nhưng do thay đổi mẫu hợp đồng cYên nhượng nên phải làm lại. Năm 2018 khi bà V đưa hai người mua đất và cán bộ địa chính mang hồ sơ lên cho cụ Q và cụ U ký, thì ông Đ, bà H và con trai ông Đ đe đánh, đuổi ra khỏi nhà không cho họ gặp các cụ để ký Hợp đồng cYên nhượng đất, nên không bán được. Do cần tiền chi tiêu cho các cụ, nên bà V đã chạy tiền bỏ ra 240.000.000 đồng tương Đ với hai xuất đất lúc bấy giờ, để giao tiền cho bà Ph, bà Nh chi tiêu chung chăm sóc hai cụ, rồi gọi người bán đất sau (BL 265). Ông Ch, bà V khẳng định hai thửa đất số 552 và thửa 553 là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Ch, bà V, không phải là di sản thừa kế của cụ Q và cụ U để chia theo di chúc.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng ông Ch vay của cụ Q: Ông Ch đã trả thông qua bà Ph và bà T, thể hiện tại giấy xác nhận đề ngày 21/3/2018. Số tiền ông Ch trả nợ đã sử dụng thanh toán cho bà Nh 10.000.000 đồng tiền bà Nh đã bỏ ra chi phí cho bố mẹ, còn 10.000.000 đồng trả cho cụ Q thông qua ông Đ, nhưng ông Đ không nhận, nên đưa cho bà Nh nhập quỹ để chi tiêu cho hai cụ Q và cụ U.

Đối với 69 chỉ vàng: Đây là số vàng bà T còn nợ hai cụ, ngày 20/4/2015 bà Nh có ký nhận giữ hộ hai cụ 69 chỉ vàng, nhưng trên sổ sách (sổ cũ) xác nhận bà T, bà Ph chi tiêu trước đó cho hai cụ hết 45 chỉ, sau khi quyết toán bà Ph giao lại cho bà Nh 24 chỉ. Lý do bà Nh chỉ nhận 24 chỉ mà lại ký nhận giữ hộ bố mẹ

69 chỉ là vì chị em gái với nhau, nên bà Nh ký với mục đích để cho hai cụ vui lòng, vì hai cụ vẫn nói bà T cầm tiền - vàng tiêu hoang.

Sau khi kết thúc việc chi tiêu cho hai cụ, bà Nh, bà V, bà T, bà Ph đã chốt sổ: Tổng tiền, vàng bà Nh quản lý là 24 chỉ x 2.900.000đ = 69.600.000đ + tiền bán đất 320.000.000đ = 389.600.000đ; Tổng số tiền bà Nh đã chi tiêu là 398.747.000 đ; Còn âm của bà Nh là 9.147.000 đồng.

Bà V, ông Ch, bà Nh khẳng định: Đối với 02 thửa đất được sự nhất trí của hai cụ, nên chị em đã bán đi để chi tiêu cho hai cụ. Đối với số tiền 20.000.000đ ông Ch đã trả cho hai cụ thông qua bà T, bà Ph 10.000.000 đồng trả cho bà Nh do bà Nh đã chi tiêu âm, còn 10.000.000 đồng trả cho cụ Q thông qua ông Đ, nhưng ông Đ không nhận, nên bà Ph, bà T đã chuyển cho bà Nh; Đối với nhà 2 tầng cạnh chợ, tiền bỏ ra xây nhà là của hai cụ và của vợ chồng ông Ch, bà V đồng thời công sức trông coi, quản lý công trình là của vợ chồng bà V, còn đất là của UBND xã VH quản lý. Đối với nhà (quán) trong chợ, đất là của UBND xã VH, còn tiền làm nhà và công sức là của vợ chồng bà V; Đối với 69 chỉ vàng trước đây bà Nh có ký nhận với hai cụ, nhưng đã chi tiêu hết. Còn lại một số T sức như nhẫn, giày, lắc khi các cụ lên ở cùng ông Đ thì ngày 18/4/2017 ông Đ đã đưa cụ Q cùng các bà Th, Ph, T về lấy nốt và đã xác nhận bà Nh không còn nợ các cụ. Hiện tại không còn di sản để chia. Do đó ông Ch, bà V, bà Nh không nhất trí yêu cầu chia di sản thừa kế của vợ chồng ông Đ bà H. Ông Ch, bà V, bà Nh yêu cầu Tòa án bác bỏ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà H.

Ngoài ra còn một số đồ lặt vặt trong gia đình như giường, tủ, kệ gỗ, ghế mát xa, điều hòa, bếp từ, quạt trần....gắn với nhà ở VH. Khi còn sống đó là những đồ dùng sinh hoạt phục vụ cho cuộc sống của hai cụ. Có tài sản vợ chồng ông Đ bà H quản lý sử dụng, có cái vợ chồng bà V, ông Ch sử dụng vì gắn liền với nhà ở chợ VH, đó là những đồ dùng sinh hoạt phục vụ cho đại gia đình cụ Q, cụ U lúc còn sống. Nay ông Ch, bà V, bà Nh không đề nghị Tòa án xem xét để phân chia, vì thực tế những đồ dùng đến nay cũng không còn giá trị sử dụng, có những vật dụng đã bị mất và thậm trí hỏng hóc.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 ông Ch, bà V có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề nghị TAND huyện KS áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa việc tẩu tán tài sản của gia đình ông Đ, bà H và con trai anh Đ1 đối với 2 thửa đất 552, thửa 553, ngừng việc sang nhượng, mua bán 2 mảnh đất trên của gia đình ông U bà M, thông báo cho UBND xã VH và các cơ quan có liên quan với lý do, sau khi có Quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Hà Nội huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, phúc thẩm thì gia đình ông Đ, bà H vẫn tìm cách giao dịch 02 thửa đất số 552, thửa 553 là tài sản đang có tranh chấp trong vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 14/5/2019, ngày 26/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L nhất trí, ủng hộ ý chí của hai cụ để lại di sản là nhà đất, tiền mặt, vàng cho ông Đ, bà H cụ thể:

Nhà hai tầng cạnh chợ VH giáp đường 481 được xây dựng năm 2010 bằng tiền của cụ Q, cụ U gồm cả các T thiết bị trong nhà. Bà L là kế toán giúp hai cụ thu chi tài chính từ lúc khởi công cho đến khi hoàn thành (có sổ sách ghi chép). Ông Ch là con rể giúp trông coi công trình được hai cụ trả công bằng 10 chỉ vàng.

Nhà phía trong chợ (quán) mái lợp Prô, giáp nhà ông Hoạt là các cụ được xã cấp tái định cư khi Nhà nước giải tỏa nhà cửa hàng mua của xã.

Ngày 25/12/2014 cụ Q có ủy quyền cho các con gái sau này cần thiết bán hộ cho bố mẹ 04 thửa đất (AI 677121; 677119; 677120; 677124) để lấy tiền T trả lo cho tuổi già nhưng các cụ vẫn còn minh mẫn nên việc chuyển nhượng, tặng cho vẫn do các cụ quyết định.

Ngày 20/4/2015 cụ Q sai bà L tìm bà Nh đến nhà ở xã VH để xác nhận lại một lần nữa về sổ vàng bà Nh đang giữ hộ là 69 chỉ vàng. Bà Nh đã ký xác nhận vào sổ của cụ Q, cụ U trước mặt bà L và nói khi nào bố mẹ cần thì bà Nh sẽ giao lại ngay. Trong sổ vàng 69 chỉ bà Nh ký nhận ngày 20/4/2015, trước đó có 9 chỉ của cụ U và cộng thêm 60 chỉ do chốt sổ trước đó, sau khi chốt sổ xác định bà Nh nhận giữ hộ cho bố mẹ 69 chỉ vàng, (Bà Nh ghi sổ nợ mới và gạch sổ nợ cũ trong sổ nợ). Tính đến tháng 10/2015 sổ vàng này vẫn còn nguyên chưa chi tiêu gì.

Thời điểm lập di chúc cụ Q, cụ U đang ở cùng với vợ chồng ông Đ, bà H tại thị trấn PD, huyện KS. Việc cụ Q, cụ U định đoạt về vấn đề tài sản trước khi chết, bà biết đây là mong muốn và nguyện vọng chính đáng của hai cụ. Điều này được thể hiện ở việc hai cụ đã lập di chúc, có chữ ký xác nhận của người làm chứng, quá trình hai bên xảy ra tranh chấp đã được kết luận giám định và xác định đúng chữ ký của cụ Q, cụ U. Việc hai cụ định đoạt về vấn đề tài sản của hai cụ để lại bà không có ý kiến gì. Bà L hoàn toàn nhất trí theo bản di chúc của hai cụ. Giao toàn bộ di sản lại cho vợ chồng ông Đ, bà H quản lý. Bản thân bà cũng không có ý kiến yêu cầu gì trong việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Đồng thời do tuổi cao và sức khỏe yếu nên bà có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại Bản tự khai ngày 25/6/2019 bà Nguyễn Thị Ph (Nguyễn Lan Ph) trình bày: Bà không nhất trí với đơn khởi kiện của ông Đ, bà H trong việc đòi chia thừa kế theo di chúc, vì nội dung đơn không đúng sự thật. Căn nhà 2 tầng và quán trong chợ VH bà V quản lý sử dụng là do công sức của vợ chồng bà V cùng với cụ Q, cụ U xây dựng lên.

Trong thời gian vợ chồng bà V nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Q, cụ U, thì hai cụ đã cho bà V. Đối với thửa đất 552 và thửa 553, trong thời gian cụ Q, cụ U chung sống cùng đã cho bà V bán được hơn 200.000.000 đồng để chi tiêu cho các cụ, vì vậy 2 thửa đất này cũng không còn để chia thừa kế. Đối với 69 chỉ vàng bà Nh quản lý, thì bà Nh đã chi tiêu cho bố mẹ, chỉ còn một số vàng trang sức của bố mẹ để lại thì vợ chồng ông Đ cũng lấy hết và đã ký nhận. Số tiền 20

triệu ông Ch vay của bố mẹ cũng được ông Ch trả bằng hình thức nộp cho bà Nh chi tiêu cho bố mẹ. Vì lý do trên bà cho rằng những tài sản mà vợ chồng ông Đ đòi chia thừa kế là không đúng, không còn, đồng thời di chúc mà vợ chồng ông Đ, bà H đưa ra làm căn cứ chia thừa kế là giả mạo, vì chữ ký trong di chúc đó không phải là chữ ký của cụ Q, cụ U (bố mẹ bà).

Ngoài ra bà Ph còn trình bày: Trường hợp phải chia thừa kế thì bà đề nghị chia số tiền, vàng T sức trị giá khoảng 01 tỷ đồng mà vợ chồng ông Đ đang quản lý. Tại Giấy xác nhận ngày 13/8/2019 bà Ph xác định lại, số tiền gần 01 tỷ bà trình bày trong bản khai ngày 25/6/2019 là tiền để ông Đ, bà H chăm sóc bố mẹ trong gần 2 năm và đã làm tang ma, lo việc xây mồ mả cho bố mẹ sau này nên không còn, bà Ph không yêu cầu chia số tiền này. Tại biên bản sự việc ngày 26/4/2023 bà Ph bổ sung ý kiến, bản thân bà là con gái của cụ Q, cụ U, việc các anh chị của bà khởi kiện tranh chấp nhau về vấn đề chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, bà không trình bày gì thêm, không có ý kiến gì, không khai thêm vấn đề gì. Việc tranh chấp để các bên tự giải quyết, đồng thời bà Ph cũng không đến Tòa án làm việc và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 bà Nguyễn Thị T trình bày: Tháng 10/2011 bà T có vay của cụ Q, cụ U 180 chỉ vàng 9999, đến năm 2013 - 2014 khi hai cụ bị ốm đi viện, bà T đã trả dần và chỉ còn nợ lại 69 chỉ vàng, đến tháng 4/2015 bà T bàn giao 69 chỉ cho bà Ph quản lý để chi tiêu cho hai cụ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày ngày 25 tháng 4 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: Về quan hệ Yết thống và các con của cụ Q, cụ U như các Đ sự khác trình bày bà không bổ sung gì. Khi cụ Q, cụ U còn sống thì làm ăn sinh sống ở xã VH, hai cụ khỏe mạnh và sống cùng nhau không ở chung với ai, các cụ ốm đau thì các con cái tập trung để chăm sóc, tiền chi tiêu chăm sóc cho hai cụ là do tiền bán đất và tiền tiết kiệm của hai bố mẹ giao lại cho bà Nh giữ quỹ và trực tiếp thanh toán các khoản chi tiêu cho bố mẹ. Năm 2017 hai cụ về nhà ông Đ, bà H để sinh sống từ lúc đó cho đến khi chết. Về số tài sản của hai cụ có bao nhiêu thì bà không nắm rõ, chỉ biết có hai nhà ở xã VH, trong đó một nhà hai tầng bên cạnh chợ VH và 01 quán bán hàng bên trong chợ VH là thuộc quyền sở hữu của hai cụ; bốn xuất đất đã chia cho cháu đích tôn (cháu I) là con trai ông Y một xuất, thủ tục giấy tờ đã làm xong. Đã bán đi một xuất để chi tiêu cho bố mẹ, Còn lại hai xuất thì không biết ai là người quản lý sử dụng, cũng không biết cụ Q, cụ U có nhờ ai trông coi hoặc giữ hộ không. Hai cụ chết chưa kịp phân chia tài sản cho các con, hai cụ cũng không để lại nghĩa vụ gì về tài chính, sau khi hai cụ chết thì ông Đ, bà H công bố bản di chúc. Đối với đơn xin lập di chúc của cụ Q, cụ U bà hoàn toàn không biết gì về thời gian lập di chúc cũng như nội dung của bản di chúc. Bà cũng không có ý kiến gì về việc này. Nay các bên tranh chấp bà đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Nguyện vọng của bà là nhà

hai tầng ở cạnh chợ VH là tài sản thuộc sở hữu của cụ Q, cụ U chia cho ai thì nay để anh em giữ lại sử dụng chung làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên và anh em có chỗ đi về. Còn các tài sản khác bà không có ý kiến tranh chấp gì.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 4 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Về quan hệ Yết thống và các con của cụ Q, cụ U như các Đ sự khác trình bày bà không bổ sung gì. Khi cụ Q, cụ U còn sống thì làm ăn sinh sống ở xã VH, hai cụ khỏe mạnh và sống cùng nhau không ở chung với ai, năm 2014 các cụ ốm đau thì các con thay nhau tập trung để chăm sóc. Năm 2015 thì vợ chồng ông Ch, bà V dọn đến ở cùng nhà của hai cụ để chăm sóc cho hai cụ. Về số tiền chi tiêu chăm sóc cho hai cụ là do tiền bán đất và tiền tiết kiệm của hai bố mẹ và tiền giao lại cho bà Nh giữ quỹ và trực tiếp thanh toán các khoản chi tiêu cho bố mẹ. Về số tài sản của hai cụ có bao nhiêu thì bà không nắm rõ, chỉ biết có hai nhà ở xã VH, trong đó một nhà hai tầng bên cạnh chợ VH và 01 quán bán hàng bên trong chợ VH là tài sản thuộc quyền sở hữu của hai cụ; Nhà và quán ở chợ VH hiện ông Ch, bà V đang quản lý sử dụng. Do năm 2015 cụ Q và cụ U ốm đau nên vợ chồng ông Ch, bà V lên ở cùng trông coi nhà cửa tiện việc chăm sóc cho hai cụ. Thực tế thì ông Ch, bà V cũng có nhà ở riêng cách nhà ở của cụ Q, cụ U khoảng 15 m. Bốn xuất đất thuộc quyền sử dụng của cụ Q, cụ U trong đó đã chia cho cháu đích tôn (cháu I) là con trai ông Y một xuất, thủ tục giấy tờ đã làm xong. Đã bán đi một xuất để chi tiêu cho bố mẹ. Còn lại hai xuất thì chưa sử dụng vào việc gì. Năm 2017 hai cụ về nhà ông Đ, bà H ở trên phố PD để sinh sống từ lúc đó cho đến khi chết. Trước khi chết chưa phân chia tài sản cho các con và cũng không để lại nghĩa vụ gì về tài chính, sau khi hai cụ chết bà mới được biết ngày 12 tháng 6 năm 2018 cụ Q, cụ U lập di chúc định đoạt tài sản cho vợ chồng ông Đ, bà H. Nội dung bản di chúc như thế nào bà hoàn toàn không biết, di chúc cũng đã được lập nay bà cũng không có ý kiến gì về bản di chúc đó mà đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2019, ngày 18/4/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn I trình bày: Bố anh I là ông Nguyễn Văn Y đã chết năm 1990 là con trai của cụ Q, cụ U. Khi còn sống cụ Q, cụ U có tặng cho con trai anh thửa đất số 551 diện tích 110m² tại xã VH, do con anh bị câm, điếc nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2016 đứng tên anh I. Khi còn sống thì hai cụ Q, U cư trú và sinh sống ở xã VH, Năm 2017 do cả hai cụ ốm nặng nên đã chuyển lên nhà ông Đ, bà H sinh sống và ở trên đó cho đến khi hai cụ chết. Anh không biết gì về vấn đề tài sản của cụ Q và cụ U cũng như việc phân chia tài sản của hai cụ. Sau khi hai cụ chết có để lại di chúc và tài sản gì thì anh không biết. Anh I nhất trí việc ông Đ, bà H lấy lại nhà hai tầng cạnh chợ VH và quán bán hàng trong chợ VH để làm nơi thờ cúng ông bà nội và để con cháu lấy chỗ đi về, còn những vấn đề khác anh không có ý kiến gì,

không liên quan đến việc chia di sản thừa kế, không đề nghị được chia thừa kế tài sản của cụ Q cụ U.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn VH trình bày: Bố anh Hải là ông Nguyễn Văn Y đã chết năm 1990 là con trai của cụ Q, cụ U. Khi còn sống thì hai cụ Q, U cư trú và sinh sống ở xã VH, anh là cháu nội nên không biết gì về các tài sản của hai cụ, chỉ biết sơ sơ là có một nhà hai tầng và 01 quán bán hàng ở chợ xã VH cùng với bốn xuất đất ở đường ngang ĐH, còn cụ thể các tài sản khác nữa như thế nào anh không biết, vì việc này do các cô, các chú họp bàn và quyết định. Năm 2017 do cả hai cụ ốm nặng nên đã chuyển lên nhà ông Đ, bà H sinh sống và ở trên đó cho đến khi hai cụ chết, anh không biết gì về vấn đề tài sản của cụ Q và cụ U, cũng như việc phân chia tài sản của hai cụ. Sau khi hai cụ chết có để lại di chúc và tài sản gì thì anh không biết. Anh Hải nhất trí việc ông Đ, bà H lấy lại nhà hai tầng và quán bán hàng ở cạnh chợ VH để làm nơi thờ cúng ông bà nội và để con cháu lấy chỗ đi về, những vấn đề khác anh không có ý kiến gì, không liên quan đến việc chia di sản thừa kế, không đề nghị được chia thừa kế tài sản của cụ Q cụ U.

Tại Bản tự khai ngày 12/8/2019, biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị là cháu nội của cụ Q, cụ U. Chị O không biết hai cụ có để lại di sản, di chúc hay không. Bố chị đã chết, các cô, các chú tranh chấp chia thừa kế chị không ủng hộ bên nào. Năm 2017 cụ Q, cụ U lên ở cùng với ông Đ, bà H trên thị trấn PD cho đến lúc chết, nên chị không biết gì về vấn đề tài sản của cụ Q và cụ U cũng như việc phân chia tài sản của hai cụ. Sau khi hai cụ chết có để lại di chúc và tài sản gì thì chị cũng không được biết. Chị O nhất trí việc ông Đ, bà H lấy lại nhà hai tầng và quán bán hàng ở cạnh chợ VH để làm nơi thờ cúng ông bà nội, đồng thời để con cháu lấy chỗ đi về, còn những vấn đề khác chị không có ý kiến gì, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019, biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị U trình bày: Chị U là cháu nội của cụ Q, cụ U. Vào khoảng năm 1995 - 1996 chị U được ông bà nội bán cho chiếc quán bán hàng ở trong chợ VH với giá 04 chỉ vàng, sau một thời gian sử dụng do chật chội, nên chị U đã trả lại cho ông bà nội và nhận lại 04 chỉ vàng. Cụ Q, cụ U ở VH làm ăn sinh sống, mặc dù ở gần nhưng do chị là cháu nội nên cũng không được quyền tham gia vào những vấn đề liên quan đến kinh tế và tài sản của cụ Q cụ U. Việc này do các cô, các chú quyết định hết, năm 2017 do già yếu nên ông Đ, bà H đón hai cụ lên thị trấn PD ở cho đến lúc hai cụ chết. Bản thân chị không biết gì về bản di chúc cũng như không có ý kiến gì về việc cụ Q, cụ U lập di chúc định đoạt tài sản cho ông Đ, bà H. Nay chị nhất trí việc ông Đ, bà H lấy lại nhà hai tầng và quán bán hàng ở cạnh chợ VH để làm nơi thờ cúng ông bà nội để con cháu lấy chỗ đi về, còn những vấn đề

khác liên quan đến tài sản, chị không có ý kiến gì, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M trình bày: Ông U và bà M có nhận cYên nhượng hai thửa đất bao gồm: Thửa đất số 552, tờ bản đồ 1A, tại xã VH có diện tích 110m²; thửa đất số 553, tờ bản đồ 1A, (nay là thửa đất số 73 và thửa đất số 74 tờ bản đồ số 04), bản đồ địa chính xã VH lập năm 2012, chỉnh lý năm 2021 tại xã VH, diện tích mỗi thửa là 110m² của chị Hoàng Thị Đ2 và anh Nguyễn Văn Đ1 là con dâu, con trai ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H. Giá chuyển nhượng là 300.000.000đ/thửa. Ông U, bà M đã được cấp 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 465069 và số DK 465070 ngày 19/5/2023 mang tên Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M. Việc mua bán và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông U, bà M với anh Nguyễn Văn Đ1 và bà Hoàng Thị Đ2 là công khai ngay tình, tuân thủ các quy định của pháp luật. Hai bên đã thanh toán tiền đầy đủ, giao nhận đất trên thực địa và thực tế ông U, bà M đang trực tiếp sử dụng hai thửa đất nói trên. Nay Tòa án giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi của hai ông bà, ông U, bà M khẳng định quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 552, tờ bản đồ 1A và thửa đất số 553 tờ bản đồ 1A, tại xã VH, nay là thửa đất số 73 và thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã VH lập năm 2012 chỉnh lý năm 2021 tại xã VH, diện tích mỗi thửa là 110m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông U, bà M. Ông U, bà M đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho hai ông bà.

Tại Báo cáo số 74/UBND ngày 08/8/2019 và báo cáo số 59/UBND ngày 30/6/2023 của UBND xã VH: Căn cứ hồ sơ địa chính xã VH lập năm 1984, năm 1996, năm 2012 xác định vị trí đất có nhà đang tranh chấp giữa các Đ sự một phần là đất chợ VH, một phần là đất quy hoạch để nâng cấp đường tỉnh 481 thành Quốc lộ. UBND xã VH đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án dựa trên cơ sở pháp lý là hồ sơ địa chính xã VH đang quản lý. Tại văn bản số 19/BC-UBND ngày 30/6/2023 UBND xã VH đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và một lần nữa xác định phần đất có nhà 2 tầng sát chợ VH và phần đất có quán bán hàng trong khu vực chợ VH hiện đang có tranh chấp giữa vợ cH ông Đ với vợ cH bà V, ông Ch. Đất là do UBND xã VH quản lý.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2019, bản tự khai ngày 16/6/2023, biên bản đối chất ngày 16/6/2023 và bản tự khai bổ sung người làm chứng ông Phạm Văn Y, bà Dương Thị Th trình bày: Ông Y, bà Th không có quan hệ hay quen biết gì với cụ Q, cụ U, ông Đ, bà H. Chiều ngày 12/6/2018 vợ cH ông Y, bà Th đến cửa hàng vàng bạc Đ - H ở phố PĐĐ để mua vàng, thì thấy 2 cụ đang ngồi ở giường trong nhà cách quầy bán vàng của ông Đ, bà H khoảng 6 - 7m, khi vợ cH ông Y, bà Th đang giao dịch mua vàng thì cụ Q gọi vợ chồng ông, bà vào nói chuyện, qua câu chuyện thì cụ Q và cụ U có thể hiện nguyện vọng muốn lập di chúc để lại tài sản của mình cho con trai, các cụ có trình bày là

mình có 2 con trai, nhưng con trai cả đã chết, chỉ còn con trai út là anh Đ nên muốn để lại di sản của mình cho anh Đ. Sau đó thì cụ Q có lấy ra 1 tờ giấy ô ly nói rằng đây là di chúc đã soạn sẵn rồi muốn nhờ ông Y, bà Th đi đánh máy hộ thành nhiều bản để lưu giữ cho khỏi thất lạc, các cụ hỏi ông Y, bà Th có mang chứng minh thư nhân dân không để thêm nội dung số chứng minh thư mà cụ đã soạn sẵn trong di chúc, thấy 2 cụ thật thà hiền lành, phúc hậu và thấy nguyện vọng của các cụ là chính đáng, ông Y lưỡng lự không muốn làm chứng vì việc này liên quan đến vấn đề chia chác tài sản trong gia đình của hai cụ và các con, nhưng bà Th thì cả nể đã vui vẻ nhận lời, với lại quá trình tiếp xúc thấy cả hai cụ đều hiền lành, phúc hậu nên ông Y cũng nhất trí với bà Th và đồng ý làm chứng cho việc lập di chúc của hai cụ. Sau đó ông Y, bà Th đi ra xe máy lấy chứng minh thư nhân dân vào cho 2 cụ xem và các cụ nhờ ông Y, bà Th đi đánh máy giúp và in ra làm 5 bản, phần tên người làm chứng và số chứng minh thư nhân dân của người làm chứng các cụ để trống trong tờ di chúc viết mẫu thì các cụ dặn ông Y, bà Th điền thêm tên của 2 vợ chồng cũng như số chứng minh thư của 2 vợ chồng ông Y, bà Th vào. Ông Y, bà Th cầm tờ di chúc viết tay của các cụ đi đánh máy lại tại cửa hàng Photocopy cạnh UBND Yên cũ (hiện cửa hàng vì tính đã do vợ chồng bỏ nhau không làm ăn chung nữa, nên đã không còn thuê làm ở địa điểm đó nữa) đánh lại toàn bộ nội dung theo đúng nội dung và đề nghị người đánh máy in ra làm 5 bản và cầm tất cả tờ giấy viết tay đơn xin lập di chúc và 5 bản đánh máy lại nội dung trong tờ giấy viết tay đó về cửa hàng vàng Đ H. Khi về đến nơi các cụ vẫn đang ngồi ở giường, vợ chồng ông Y, bà Th giao lại toàn bộ tờ giấy viết tay và 5 bản đánh máy lại cho cụ Q và cụ U, các cụ đọc lại các bản di chúc đã đánh máy và còn xem lại Chứng minh nhân dân cũng như số chứng minh thư trong các bản di chúc đánh máy có phù hợp với số chứng minh thư của ông Y, bà Th hay không. Sau khi xem xong thì cụ Q, cụ U đều nhất trí và ký, điểm chỉ trước mặt ông Y, bà Th, hai cụ ký trước sau đó yêu cầu ông Y, bà Th ký vào từng T của 5 bản di chúc đánh máy đó và ký xác nhận vào cả nội dung người làm chứng xác nhận chữ ký ở trang 5 của 5 bản di chúc đánh máy. Khi ký vào các bản di chúc đánh máy này giữa ông Y, bà Th, cụ Q, cụ U đều rất minh mẫn, không bị ai ép buộc và việc ký là tự nguyện. Sau khi vợ chồng ông Y, bà Th ký xong thì cụ Q có gọi ông Đ vào và nói ông Đ ký vào cả 5 bản di chúc đánh máy ở vị trí dưới chữ con trai. Lúc đó do ông Đ đang ở ngoài quầy hàng vàng cách chỗ hai cụ ngồi khoảng 6, 7 m, sau khi ông Đ ký thì cụ Q giữ 1 bản di chúc đánh máy và bản di chúc mẫu viết tay; giao lại cho ông Đ 3 bản và nhờ vợ chồng ông Y, bà Th giữ lại 1 bản phòng khi các bản khác thất lạc. Sau đó vợ chồng ông Y, bà Th còn trò chuyện rất lâu, mọi người còn nói cười vui vẻ, cụ Q cụ U cũng rất vui khi hoàn thành tâm nguyện của mình và cảm ơn vợ chồng ông Y, bà Th. Tại các phiên tòa trước đây khi được hỏi ông Y, bà Th khẳng định đều khai như vậy và khẳng định thời điểm các cụ ký vào các bản di chúc đánh máy các cụ hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, tỉnh táo, không bị ai ép buộc và tự nguyện, chủ động hoàn toàn trong việc ký, điểm chỉ vào các bản di chúc. Chữ

viết Y, Th trong T 1-3 và chữ ký ở trang 5 trong bản di chúc là chữ của vợ chồng ông Y, xong việc vợ chồng ông Y, bà Th đi về.

Người làm chứng anh Vũ Văn B trình bày: anh xác định năm 2011 do thấy quán của cụ Q, cụ U (là bác họ anh) ở chợ VH để không nên anh đã hỏi mượn gian quán này để chứa hoa quả buôn bán, do lúc đó anh đang xây nhà và đã được 2 cụ đồng ý. Thời gian mượn quán từ năm 2011 - 2013, sau khi không sử dụng nữa thì anh đã trả lại cho 2 cụ. Quán có đặc điểm là khoảng 17m², tường cao khoảng 2m, lợp ngói bro, phía bắc giáp chợ, phía đông, tây, nam đều giáp ông Hoạt. Anh không biết các cụ xây hết bao nhiêu tiền chỉ biết đây là quán của cụ Q, cụ U.

Người làm chứng ông Đậu Mạnh Đ trình bày: Ông Đ không có mối quan hệ anh em, họ hàng gì với cụ Q, cụ U. Năm 2016 ông và tổ thợ được 2 cụ thuê xây 1 chiếc quán trong chợ VH với diện tích là 17m², nhà quán xây cao hơn 2m, đòn đỡ mái làm bằng luồng gỗ, lợp bro xi măng. Tiền công xây dựng đến khi hoàn thiện là 2.200.000 đồng, được cụ Q trực tiếp thanh toán, quá trình xây dựng ông Đ và ông Ch đứng ra trông coi. Tiền mua vật liệu xây dựng cũng do cụ Q trực tiếp thanh toán. Đối với căn nhà 2 tầng ông cũng tham gia xây dựng nhưng không phải là chủ thầu nên không nắm được cụ thể việc xây dựng, chỉ tiêu, công cán.

Người làm chứng bà Lê Thị Th trình bày: bà Thiệp không có mối quan hệ anh em, họ hàng gì với cụ Q, cụ U, thời gian từ năm 1988 - 1995 bà là đội trưởng đội sản xuất của xóm BC, vào khoảng năm 1980 UBND xã VH đã giao cho 2 cụ Q và U 01 mảnh đất trong chợ VH, do trước đó 2 cụ làm nhà ở mé sông. Sau khi UBND xã quy hoạch chợ thì cụ Q, cụ U được giao đất trong chợ để làm quán bán hàng tạp hoá với giá 300.000 đồng. Đối với mảnh đất là nhà 2 tầng giáp chợ VH, bà không nhớ rõ thời gian, nhưng được biết UBND xã VH đã giao cho cụ Q, cụ U sử dụng. Sau khi giao đất hai cụ đứng ra xây dựng quán trong chợ để bán hàng, đối với mảnh đất hiện nay là nhà 2 tầng cạnh đường 481 cũng do các cụ xây dựng, trước đây là nhà cấp 4 sau này các cụ phá đi xây lại thành nhà 2 tầng, trong khi xây nhiều lần UBND xã VH đình chỉ việc xây dựng do lấn chiếm hành lang lưu không và không được phép xây dựng nhà kiên cố chỉ được phép làm quán bán hàng, nhưng không hiểu vì sao các cụ lại xây được. Việc xây dựng tiền nong thế nào thì bà không biết.

Người làm chứng anh Bùi Văn A, anh Trần Văn H trình bày: các anh xác nhận có quen biết bà V là con gái cụ Q, thông qua bà V, anh có nhận chuyển nhượng QSDĐ thửa 552, thửa 553, có nguồn gốc là của cụ Q, cụ U (bố mẹ bà V). Hai bên thoả thuận giá chuyển nhượng mỗi thửa đất trên là 250.000.000 đồng, vợ chồng các anh đã đặt cọc cho bà V 20.000.000 đồng/thửa. Do anh em, bố con bà V, ông Q không thống nhất được việc chuyển nhượng và có tranh chấp nên vợ chồng các anh không tiếp tục nhận chuyển nhượng đất nữa đồng thời được bà V trả lại 20.000.000 đồng tiền cọc.

Người làm chứng ông Vũ Văn R trình bày: Năm 1986 -1988 được ông Ch, bà V khoán xây 1 quán có gác xếp và bể nước ngầm trong nhà ở chợ VH, vật liệu do ông Ch chở từ ĐH xuống để xây, khi đó bà V có nói nên quán chia cho cụ U', do cụ không ở nên cho bà V làm quán bán hàng. Sau khi hoàn thành thì ông Ch, bà V đã trực tiếp trả công cho ông, ông không nhớ cụ thể số tiền công là bao nhiêu.

Người làm chứng ông Vũ Văn Ch trình bày: Ông được vợ chồng ông Ch, bà V khoán sửa chữa quán bán hàng trong chợ VH. Việc sửa chữa làm thành 2 lần: lần 1 khoảng năm 1997- 1998, xây dựng lại quán trong chợ, tiền công do ông Ch, bà V trả, không nhớ rõ ngày; lần 2 sửa và lợp lại quán thời gian khoảng tháng 5/2017, người trả công vẫn là Ch V, số tiền là 5.000.000 đồng.

Người làm chứng bà Phan Thị D trình bày: bà xác nhận có bán cho ông bà Ch V 8000 viên gạch để xây quán trong chợ.

Người làm chứng ông Hoàng Văn Đ2 trình bày: thành lập chợ VH ông là người nhận khoán xây dựng cho bà V một quán nhỏ khoảng 14m² lợp bro, có tứ cận phía bắc giáp quán bà Liêm, đông giáp đường Cà Mâu, phía nam giáp quán bà Nghiêm, phía tây giáp chợ VH. Tiền công do bà V trả.

Người làm chứng ông Phạm Văn S trình bày: Khoảng tháng 4/2010 ông được ông Ch, bà V nhận khoán xây dựng 1 căn nhà ở cổng chợ VH, thời gian thi công khoảng 4 tháng. Đội thợ của ông có 5 người, sau khi hoàn thành công trình đã được thanh toán tiền công đầy đủ.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T xác nhận: năm 2017 do quán trong chợ VH bị dột nát nên bà V đã sửa lại, thay xà gỗ bằng xà Inox, thay luồng cũ, lợp lại bro. Bà V còn cho ông xà gỗ làm củi đun.

Người làm chứng ông Lê Văn M xác nhận: là người chở đất nâng nền quán trong chợ VH, tiền công do bà V trả.

Người làm chứng bà Đặng Thị Ph xác nhận: năm 1998 do không có nhà ở nên bà đã mượn anh chị V Ch quán trong chợ VH để ở nhờ khoảng 2 -3 năm.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/06/2023, chứng thư thẩm định giá ngày 14/07/2023 xác định:

+ Giá trị quyền sử dụng của thửa đất số 552 (nay 73), tờ bản đồ địa chính số 04, bản đồ địa chính xã VH; Địa chỉ: xóm TC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Giá trị quyền sử dụng đất ở nông thôn theo kết quả thẩm định là: 110m² x 7.791.000đ = 857.010.000 đồng.

+ Giá trị quyền sử dụng của thửa đất số 553 (nay 74), tờ bản đồ địa chính số 04, bản đồ địa chính xã VH; Địa chỉ: xóm TC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Giá trị quyền sử dụng đất ở nông thôn theo kết quả thẩm định là: 110m² x 7.791.000đ = 857.010.000 đồng.

+ Giá trị tài sản nhà 02 tầng xây dựng trên đất chợ của xã VH: Diện tích 90m², có giá trị là 175.173.815 đồng.

+ Giá trị tài sản nhà một tầng (Lán bán hàng) trong chợ VH có diện tích 17,16m², có giá trị là 11.282.257 đồng.

Tổng giá trị tài sản quyền sử dụng đất; nhà hai tầng; nhà một tầng (lán trong chợ VH) có tổng giá trị là: 1.900.476.071 đồng. Làm tròn là 1.900.476.000đ (Một tỷ, chín trăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Tại bản Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-TL ngày 19/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Xuân Q tại vị trí số 2 cuối các T 1, 2, 3 và dưới mục “Người làm đơn” trang 4 trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữa ký dạng chữ viết Nguyễn Xuân Q trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết mang tên Vũ Thị U tại vị trí số 3 cuối các T 1, 2, 3 và dưới mục “Người làm đơn” trang 4 trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dạng chữ viết của Vũ Thị U trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M7 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 Tòa án nhân dân Yên KS quyết định:

- Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ bà Trần Thị H về việc không đề nghị giải quyết đối với một số di sản ghi trong di chúc gồm số vàng bán nhà cũ của ông Đ cho bà L, số vàng T sức và tiền mặt còn lại của bố mẹ cũng như số vàng 10 chỉ bà Tr đang nợ của bố mẹ và không đề nghị giải quyết đối với quyền sử dụng đất của hai căn nhà ở chợ VH.

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H đối với vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch và bà Nguyễn Thị Phong Nh.

- Công nhận di chúc của các cụ Nguyễn Xuân Q, Vũ Thị U lập ngày 12/6/2018 là di chúc hợp pháp có hiệu lực một phần.

- Chia và giao cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H được sở hữu, sử dụng di sản do các cụ Nguyễn Xuân Q, Vũ Thị U để lại bao gồm: Quyền sử dụng các thửa đất số 552 và 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xã VH có diện tích mỗi thửa là 110m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Xuân Q; Được quyền sử dụng căn nhà hai tầng sát phía Nam công chợ xã VH và gian quán bán hàng trong chợ xã VH, có vị trí phía Đông, Tây và Nam sát với đất của gia đình ông Hoạt, phía Bắc sát chợ xã VH (toàn bộ hai thửa đất và giấy chứng nhận QSDĐ của hai thửa đất và hai căn nhà nêu trên đều do vợ chồng ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V đang quản lý); Được quyền sử dụng 69 chỉ vàng 9999 của các cụ Q, cụ U để lại hiện do bà Nguyễn Thị Nh đang quản lý; Được sử dụng số tiền 10.853.000 đồng là số tiền còn lại trong tổng số tiền 20.000.000 đồng ông Ch nợ của các cụ Q cụ U mà ông Ch đã bàn giao cho bà Nh quản lý chi tiêu cho các cụ Q cụ U.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V phải giao lại hai thửa đất số 552 và 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xã VH có diện tích mỗi thửa là 110m² cùng GCNQSDĐ của hai thửa đất trên và giao lại căn nhà hai tầng sát công chợ xã VH và quán bán hàng trong chợ xã VH cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H; Buộc bà Nguyễn Thị Phong Nh phải trả cho vợ chồng ông Đ, bà H 69 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.853.000 đồng.

- Vợ chồng ông bà Đ, H phải thanh toán cho vợ chồng ông bà Ch, V số tiền mà vợ chồng ông bà Ch V đã bỏ ra trả tiền mua đất là 240.000.000 đồng, thiệt hại do hợp đồng chuyển nhượng đất bị vô hiệu là 100.700.000đ và tiền công bảo quản di sản là 50.000.000đ. Tổng cộng số tiền ông bà Đ, H phải thanh toán cho vợ chồng ông bà Ch, V là 390.700.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông bà Ch, V và bà Nh không phải nộp. Vợ chồng ông bà Đ, H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.858.000đ được khấu trừ vào số tiền 25.770.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/3030 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện KS, vợ chồng ông bà Đ H còn phải nộp tiếp số tiền án phí còn tì là 5.088.000 đồng.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019. Lý do: Không chấp nhận phán quyết của Tòa án buộc ông bà phải trả lại thửa đất 552 và thửa 553, căn nhà ở công chợ VH, quán trong chợ và 20.000.000đ cho vợ chồng ông Đ vì: Hai thửa đất cụ Q đã cho phép bán và thực tế đã bán lấy tiền chi tiêu cho hai cụ; Quán trong chợ vợ cH bà V bỏ tiền và công sức ra xây dựng, giữ gìn gần 40 năm; Căn nhà 2 tầng ở công chợ VH tồn tại được là do công sức của vợ cH bà V; Khi lên nhà Đ H, cụ Q đã giao cho bà V ở giữ gìn, bảo quản; số tiền 20.000.000đ nợ của cụ Q đã trả. Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét giám định chữ ký của cụ Q, cụ U trong bản di chúc và chữ ký của người làm chứng và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/11/2019 bà Nguyễn Thị Phong Nh nộp đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019. Lý do: Không chấp nhận phán quyết của Tòa án buộc bà Nh phải trả cho vợ cH ông Đ 69 chỉ vàng, vì bà Nh đã trả đầy đủ; Ngày 18/4/2017 ông Đ đã cùng cụ Q và các chị em về nhà bà Nh ký giấy xác nhận hết nợ, cụ Q đã gạch sổ gốc. Đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét giám định chữ ký của bố mẹ bà trong bản di chúc và chữ ký của người làm chứng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 08/2020/DS-PT ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 24/6/2020 bị đơn ông Hoàng Văn Ch, bà Hoàng Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình theo thủ tục Giám đốc thẩm, đề nghị xem xét lại tính pháp lý

bản di chúc của cụ Q, cụ U. Các di sản hai cụ Q, cụ U định đoạt trong bản di chúc ngày 12/6/2018 đã không còn để chia.

Ngày 04/7/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị vợ chồng ông Ch, bà V trả lại tài sản đang quản lý cho ông Đ và H theo bản di chúc của cụ Q và cụ U ngày 12/6/2018.

Ngày 12/10/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 48/2022/KNGĐT-DS.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 03/2023/DS-GĐT ngày 16/01/2023.

Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 08/2020/DS-PT ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình về vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H với bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị Phong Nh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

- Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

* Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Kết quả thi hành án đối với bản án dân sự phúc thẩm số 08/2020/DS-PT ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình như sau:

Tại Báo cáo số 172/BC-CCTHADS ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS cung cấp như sau: Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS đã tổ chức thi hành xong các khoản:

Ngày 30/6/2020 ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H đã nộp án phí dân sự sơ thẩm: 30.858.000 đồng.

Ngày 20/8/2020 ông Đ và bà H đã nộp số tiền 390.700.000 đồng để thanh toán cho vợ chồng ông Ch, bà V. Số tiền này ông Ch, bà V đề nghị chưa nhận, do đang đề nghị TAND cấp cao xem xét lại bản án, nên Chi cục THADS huyện KS đã gửi số tiền 390.700.000 đồng vào Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Ngày 21/8/2020 Chi cục THADS huyện KS phối hợp với UBND xã VH và các ngành cưỡng chế đối với ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, giao quyền sử dụng hai thửa đất số 552 và thửa 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xóm TC, xã VH, mỗi thửa có diện tích là 110m² cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H. (2 thửa đất này ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H đã chuyển nhượng cho con trai Nguyễn H Đ1 và con dâu Hoàng Thị Đ2 vào ngày 13/8/2021).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS chưa thi hành các khoản sau:

+ Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn Ch và bà Nguyễn Thị V phải giao lại căn nhà hai tầng sát công chợ xã VH và quán bán hàng trong chợ VH cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Phong Nh phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H 69 chỉ vàng 4 số 9 và số tiền 10.853.000 đ.

Ngày 21/10/2022 Chi cục THADS huyện KS đã ban hành Thông báo số 01/TB-THADS tạm đình chỉ thi hành án đối với các khoản này.

Căn cứ vào Quyết định giám đốc thẩm số 03/2023/DS-GĐT ngày 16/01/2023 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 05/QĐ-CCTHA ngày 09/3/2023.

Tại bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 08/QĐ ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình (lần 2) đã quyết định:

Căn cứ: Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, 147, 148, 157, 165, 227, 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 617, 618, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, 634, 643, 658, 659, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167 của Luật đất đai 2013; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TU vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Án lệ số 05/20216/AL.

U xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H đối với ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Xuân Q và cụ Vũ Thị U theo bản di chúc lập ngày 12 tháng 6 năm 2018.

- Công nhận bản di chúc có tên gọi với tiêu đề “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 có hiệu lực một phần.

- Chia và giao cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H quyền sử dụng hai thửa đất số 552, 553 tờ bản đồ số 1A, nay là thửa đất số 73, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, tại xã VH, diện tích mỗi thửa là 110m² tại xóm TC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Thửa đất đã được thi hành án xong căn cứ vào Báo cáo số 172/BC- CCTHADS ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS thì ngày 21/8/2020 Chi cục THADS huyện KS phối hợp với UBND xã VH và các ngành cưỡng chế đối với ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V giao quyền sử dụng hai thửa đất số 552 và 553, thuộc tờ bản đồ số 1A, xóm TC, xã VH có diện tích mỗi thửa là 110m² cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H. (2 thửa đất này ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H đã chuyển nhượng cho con trai Nguyễn H Đ1 và con dâu Hoàng Thị Đ2 vào ngày 13/8/2021).

Hiện hai thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 465069 ngày 29/5/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 465070 ngày 29/5/2023 và đã được cấp cho ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M người thứ ba ngay tình trong các giao dịch dân sự cần công nhận quyền sử dụng hai thửa đất số 552 và thửa đất số 553 nay là thửa đất số 73, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04, tại xã VH là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông U, bà M. Nay không cần buộc ông U, bà M phải trả lại hai thửa đất số 552 và thửa đất số 553 (nay là thửa đất số 73, thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04) tại xã VH cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H.

- Giao cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H quyền sở hữu căn nhà 2 tầng sát phía Nam công chợ VH và gian quán bán hàng trong chợ VH, có vị trí phía Đông, Tây và Nam sát với thửa đất của gia đình ông Hoạt, phía Bắc giáp chợ VH.

- Giao cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H quyền sở hữu 69 chỉ vàng 9999 và số tiền 10.853.000 đồng là số tiền còn lại trong tổng số 20.000.000đ ông Ch nợ cụ Q, cụ U. Quá trình chi tiêu ông Ch đã giao lại cho bà Nh quản lý.

- Buộc ông Hoàng Văn Ch và bà Nguyễn Thị V phải giao và trả lại cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H căn nhà 2 tầng sát phía Nam công chợ VH gian quán bán hàng trong chợ VH, có vị trí phía Đông, Tây và Nam sát với thửa đất của gia đình ông Hoạt, phía Bắc giáp chợ VH.

- Buộc bà Nguyễn Thị Phong Nh phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H 69 chỉ vàng 9999 và số tiền là 10.853.000 đồng (Mười triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng). Giá vàng tại thời điểm xét xử để tính án phí là 5.800.000đ/1 chỉ.

- Vợ chồng ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn Ch và bà Nguyễn Thị V số tiền là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) số tiền ông Ch, bà V đã ứng ra để chi tiêu cho cụ Q và cụ U. Ông Đ, bà H phải thanh toán cho ông Ch, bà V 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền của người trông coi quản lý, bảo quản di sản thừa kế. Tổng số tiền ông Đ, bà H phải thanh toán cho ông Ch, bà V là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Đối với khoản tiền này tại biên lai thu tiền số AA/2010/03545 ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Yên KS. Ông Đ, bà H đã tự nguyện nộp số tiền 390.700.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng số tiền ông Đ, bà H phải thanh toán cho ông Ch, bà V là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) được khấu trừ trong số tiền 390.700.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) mà ông Đ, bà H đã tự nguyện nộp. Số tiền còn lại 100.700.000đ đề nghị Chi cục Thi hành án huyện KS trả lại cho ông Đ, bà H theo quy định của pháp luật.

Việc sử dụng căn nhà hai tầng và gian quán bán hàng tại chợ xã VH của vợ chồng ông Đ, bà H phải tuân thủ các quy định của pháp luật đất đai và quy hoạch sử dụng đất của địa phương đang quản lý đất.

2. Về án phí:

Ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quốc Đ do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Bà Trần Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.215.000đ được trừ vào 30.858.000 đồng đã nộp căn cứ Báo cáo số 172/BC-CCTHADS ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Bà Trần Thị H còn phải nộp thêm 5.357.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn U quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các Đ sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị Phong Nh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Ch, bà V, bà Nh vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bản di chúc ngày 12/6/2018 là không hợp pháp và di sản của các cụ hiện không còn để chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tƯ vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh được miễn án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Phong Nh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, được quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đơn kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị Phong Nh được làm và nộp trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của bà V, ông Ch, bà Nh hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn bà V, ông Ch, bà Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[1.4] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ (lần thứ ba) mà vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: bị đơn ông Ch, bà V, bà Nh đề nghị hoãn phiên tòa vì các đương sự vắng mặt không tranh luận, đối chất được, yêu cầu phải có mặt các đương sự. Sau khi thảo luận HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận đề nghị hoãn phiên tòa của các bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Ch, bà V, bà Nh đề nghị thay đổi Hội đồng xét xử. Lý do: HĐXX không khách quan, vì các ông, bà đề nghị hoãn phiên tòa do các đương sự khác đều vắng mặt, nhưng HĐXX không hoãn phiên tòa là không khách quan và quá trình giải quyết vụ án ông U, bà M vẫn cố tình xây dựng công trình trên tài sản đang tranh chấp. HĐXX xét thấy: lý do các bị đơn đưa ra không chính đáng. Do đó, HĐXX không chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết tranh chấp và yêu cầu kháng cáo của các bị đơn:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế:

Cụ Nguyễn Xuân Q chết ngày 20/8/2018, cụ Vũ Thị U chết ngày 26/3/2019. Ngày 02/05/2019 ông Nguyễn Quốc Đ, bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ U theo di chúc lập ngày 12/6/2018. Toà án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Q và cụ U vẫn còn theo quy định tại Điều 611, Điều 623 Bộ luật Dân sự là đúng quy định pháp luật.

[2.2] *Về di sản thừa kế:* Theo đơn xin lập di chúc ngày 12/6/2018 cụ Q và cụ U xác định là chủ sở hữu hợp pháp của các tài sản để lại cho vợ chồng ông Đ, bà H được hưởng sau khi 2 cụ qua đời gồm có:

1. Nhà hai tầng K cố ở chợ VH, địa chỉ xóm BC, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, diện tích đất 50m², phía Bắc giáp công chợ, phía Nam giáp anh Trọng, phía Tây giáp chợ, phía Đông giáp đường 481 (Có giấy chi nộp tiền số 41 ngày 08/11/1991 do Chủ tịch xã VH, Lê Vinh ký)

2. Nhà bên trong chợ 24m², địa chỉ xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, phía Bắc giáp chợ, phía Đông, Tây, Nam giáp anh Hoạt (Nhà tái định cư ở bờ sông mua của cửa hàng mua bán xã, có chữ ký của ông Phạm Văn Chân ngày 20/11/1985).

3. Lô đất đường ngang ĐH, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình thửa số 552 tờ bản đồ 1a, diện tích 110m².

4. Lô đất đường ngang ĐH, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình thửa số 553 tờ bản đồ 1a, diện tích 110m².

5. Toàn bộ số vàng bán nhà cũ của Đ bán cho L và số vàng trang sức và tiền mặt.

6. Con gái Nguyễn Thị Nh giữ hộ 69 chỉ vàng, giữ hộ cho bố ngày 20/4/2015.

7. Tiền mặt 20.000.000 đồng ông Hoàng Văn Ch vay ngày 10/10/2016.

8. Con gái Nguyễn Thị Tr vay 10 chỉ vàng cho cháu Th mở hàng và chị Tr chuyển nhà mới.

[2.3] *Xét về nội dung kháng cáo của các bị đơn:*

Bị đơn ông Ch, bà V, bà Nh kháng cáo cho rằng bản di chúc có tiêu đề “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 là không hợp pháp. Chữ ký trong bản di chúc không giống với chữ ký của cụ Q và cụ U khi còn sống.

Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ bản Kết luận giám định số 20/KLGD-PC09-TL ngày 19/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận thì chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Xuân Q và Vũ Thị U tại Đơn xin lập di chúc ngày 12/6/2018 với chữ viết, chữ ký dạng chữ viết mang tên Nguyễn Xuân Q và Vũ Thị U trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 24/4/2024 bị đơn ông Ch, bà V có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Giám định lại chữ ký của cụ Q và cụ U tại “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018, vì cho rằng Kết luận giám

định số 20/KLGD-PC09-TL ngày 19/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình không chính xác, đề nghị giám định lại tại Phòng kỹ thuật hình sự của Bộ Quốc Phòng và ngày 08/5/2024 ông Ch, bà V có đơn đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của người làm chứng là ông Phạm Văn Y và bà Dương Thị Th tại “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/5/2018. Tòa án phúc thẩm đã ra Thông báo yêu cầu ông Ch, bà V cung cấp các mẫu chữ ký, chữ viết của cụ Q, cụ U và của ông Y, bà Th để giám định và yêu cầu nộp chi phí tố tụng giám định. Nhưng hết thời hạn ông Ch, bà V không đưa ra được căn cứ để chứng minh kết luận giám định trên không chính xác, không cung cấp được mẫu chữ ký để so sánh giám định và không nộp tiền chi phí tố tụng giám định. Ngày 20/5/2024 ông Ch, bà V có Đơn rút yêu cầu không đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết của cụ Q, cụ U và của ông Y, bà Th. Do đó Tòa án phúc thẩm không tiến hành xem xét việc giám định lại theo đơn của ông Ch, bà V.

Bị đơn cho rằng cụ Q và cụ U không ký, điểm chỉ trước mặt người làm chứng. Ngoài các lời khai của người làm chứng là ông Y, bà Th và tại biên bản đối chất ngày 16/6/2023 giữa người làm chứng ông Y, bà Thúy và ông Đ thể hiện hai cụ Q và cụ U đã đọc lại bản di chúc đồng thời ký và điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt hai người làm chứng ông Y bà T, sau đó đưa bản di chúc cho 2 vợ chồng ông Y, bà Th cùng ký, khi ông Y, bà Th ký vào bản di chúc, thì cụ Q còn chỉ vị trí mà hai vợ chồng ông Y, bà Th ký vào bản di chúc, yêu cầu ký từng trang trong bản di chúc. Khi cụ Q, cụ U và vợ chồng ông Y, bà Th ký xong vào bản di chúc thì cụ Q gọi ông Đ vào ký sau cùng. Lúc đó vợ chồng H Đ đang ở ngoài quầy hàng vàng, cách chỗ ngồi của hai cụ tầm 6 -7m. Ký xong 5 bản di chúc cụ Q giao cho ông Y một bản, đưa cho vợ chồng H Đ 3 bản, cụ giữ một bản đánh máy và một bản viết tay. Như vậy đơn xin lập di chúc được đánh máy và có hai người làm chứng ký xác nhận vào bản di chúc thì đây là trường hợp di chúc bằng văn bản có người làm chứng. Căn cứ quy định tại Điều 634 Bộ luật Dân sự thì di chúc hợp pháp khi đảm bảo các điều kiện là *“Người lập di chúc không tự mình viết bản di chúc thì có thể tự mình đánh máy hoặc nhờ người khác viết hoặc đánh máy bản di chúc, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc; Việc lập di chúc bằng văn bản có người làm chứng phải tuân theo quy định tại Điều 631 và Điều 632 Bộ luật dân sự”*.

Như vậy, thời điểm lập di chúc và ký vào bản di chúc cụ Q và cụ U hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt. Điều này thể hiện ngày 15/01/2018 (trước thời điểm lập di chúc) cụ Q, cụ U có lập Hợp đồng ủy quyền ngày 15/01/2018 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thế Thùy thể hiện nội dung cụ Nguyễn Xuân Q và Vũ Thị U đã ủy quyền cho ông Đ và bà H được quyền sử dụng nhà hai tầng và quán bán hàng tại chợ VH. Văn bản trên được công chứng, chứng thực theo

đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp theo quy định pháp luật, trước thời điểm lập di chúc cụ Q, cụ U hoàn toàn đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự. Ngày 12/6/2018 cụ Q và cụ U lập di chúc. Đến ngày 20/8/2018 cụ Q chết, ngày 26/3/2019 cụ U chết. Trong suốt thời gian sau khi ký hợp đồng ủy quyền cụ Q, cụ U không đi Viện điều trị các bệnh lý gì liên quan hoặc dẫn đến bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, bị đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc các cụ bị hạn chế về thể chất dẫn đến không minh mẫn là không có căn cứ. Như vậy, không có căn cứ xác định cụ Q và cụ U lập di chúc trong tình trạng không minh mẫn, sáng suốt hoặc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép phải lập di chúc. Cụ Q và cụ U đều biết chữ, tại thời điểm lập di chúc mặc dù tuổi đã cao, sức khỏe có thể đã yếu nhưng pháp luật không cấm người cao tuổi lập di chúc; cũng không có căn cứ chứng minh khi lập di chúc cụ Q và cụ U bị hạn chế về thể chất và tinh thần, bản di chúc ngoài chữ ký của cụ Q, cụ U và chữ ký của hai người làm chứng là ông Y, bà Th còn có cả chữ ký của ông Đ là con trai của cụ Q, cụ U. Việc ông Đ là con trai của cụ Q, cụ U là người cùng ký vào bản di chúc, nhưng ông Đ ký vào bản di chúc sau cùng, đồng thời ông Đ ký vào bản di chúc không phải với tư cách người làm chứng, do vậy điều này không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của bản di chúc. Trong trường hợp này có hai người làm chứng là ông Y, bà Th đã ký xác nhận vào bản di chúc, do đó bản di chúc đã tuân thủ và hợp lệ về mặt hình thức, nên việc ông Đ ký thêm hay không ký vào bản di chúc cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung di chúc và tính hợp pháp của bản di chúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án sơ thẩm xác định “Đơn xin lập di chúc” ngày 12/6/2018 của cụ Nguyễn Xuân Q và cụ Vũ Thị U là di chúc bằng văn bản có hai người làm chứng, nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 624, 625, 626, 627, 628, 631, 632, 634 của Bộ luật Dân sự, nên là di chúc hợp pháp có hiệu lực. Thời điểm lập di chúc cụ Q và cụ U hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, không bị ép buộc khi lập và ký vào bản di chúc là hoàn toàn có căn cứ.

Bị đơn yêu cầu ông Đ cung cấp bản gốc viết tay “Đơn xin lập di chúc” ghi ngày 12/6/2018: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông Đ khẳng định ông Đ không giữ bản di chúc viết tay, nên không cung cấp được cho Tòa án; ngoài ra ông Y, bà Thúy khai ông Y bà Th đã đưa bản di chúc viết tay ngày 12/6/2018 cho cụ Q, nên không có căn cứ để chứng minh ông Đ là người đang giữ bản di chúc viết tay.

[3] Về các tài sản được định đoạt trong bản di chúc:

Theo đơn xin lập di chúc ngày 12/6/2018 cụ Q, cụ U xác định hai cụ là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản gồm: 01 Nhà hai tầng diện tích đất 50m² cạnh chợ VH; 01 Nhà (quán bán hàng) diện tích 24m² bên trong chợ VH; 02 thửa đất số 552 và thửa 553 tờ bản đồ 1A, xã VH, mỗi thửa có diện tích là 110m²; 69 chỉ vàng bà Nh giữ và 20.000.000 đồng ông Ch vay của cụ Q và một số tài sản khác

không có tranh chấp. Cụ Q, cụ U để lại toàn bộ tài sản trên cho vợ chồng ông Đ, bà H được hưởng.

[3.1] Đối với ngôi nhà hai tầng ở cạnh chợ VH:

Ông Ch, bà V kháng cáo cho rằng đây là tài sản của ông Ch, bà V, do bà V đã buôn bán cùng cụ U tại đây kể từ khi thành lập chợ VH (năm 1988-1990), đến năm 1993 cụ U đã viết giấy tay cho bà V, năm 2004 - 2005 bà V đã bỏ tiền ra xây quán, năm 2010 làm lại nhà như hiện nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ thì căn nhà này có tứ cận là phía Bắc giáp công chợ VH, phía Nam giáp ông Trọng, phía Tây giáp chợ VH, phía Đông giáp đường 481. Chiều bóm mặt đường có độ dài là 6,18m, chiều giáp chợ VH là 6,25m; giá trị 175.173.815 đồng. Theo trình bày của các đương sự, người làm chứng là bà Lê Thị Th và các tài liệu là biên bản nhượng nhà cửa hàng lập ngày 20/11/1985 giữa UBND xã VH với cụ Nguyễn Xuân Q và phiếu chi số 41 ngày 08/11/1991 thì nguồn gốc ngôi nhà trên là cửa hàng của cụ Q, cụ U xây dựng trên phần đất chợ VH thuộc quyền quản lý của UBND xã VH. Các đương sự đều thừa nhận năm 2010 cụ Q và cụ U bỏ tiền ra xây lại ngôi nhà. Trong quá trình hai cụ xây nhà, vợ chồng bà V, ông Ch đã giúp mua vật liệu, thuê thợ xây, trông coi công trình và được hai cụ cho trả công 10 chỉ vàng, sổ chi tiêu có ghi đầy đủ việc các con của cụ Q, cụ U thanh toán tiền cho việc mua vật liệu để xây nhà và sửa sang nhà cửa cho hai cụ. Tại phiên tòa sơ thẩm (lần 1 năm 2019) bà V thừa nhận: *“Căn nhà hai tầng là tài sản của bố mẹ tôi; việc sửa chữa xây dựng thêm và mua sắm các thiết bị sinh hoạt trong nhà như điều hòa, bếp từ, quạt trần... được mua sắm từ tiền chi phí cho bố mẹ”*. Sau đó bà V, ông Ch thay đổi lại lời khai cho rằng toàn bộ số tiền để làm nhà, các lần sửa, coi nói xây dựng thêm đối với căn nhà hai tầng là của ông Ch, bà V bỏ ra, chứ không phải nguồn tiền của cụ Q, cụ U. Tuy nhiên căn cứ vào cuốn sổ ghi chép xây nhà bên chợ thể hiện thời gian từ khoảng tháng 3/2010 đến tháng 8/2010 toàn bộ số tiền chi tiêu cho việc sửa chữa nhà hai tầng ở chợ VH (tiền công thợ và tiền mua vật liệu xây dựng để sang sửa nhà) là được lấy từ số tiền của cụ Q, cụ U. Việc chi tiêu các khoản tiền này do các con của cụ Q, cụ U trực tiếp chi trả và ký nhận sổ, đồng thời được mọi người ghi chép lại. Mặt khác tại cuốn sổ gia đình ghi nhận việc chi tiêu cho cụ Q, cụ U do bà Nh, bà V cung cấp cho Tòa án cũng thể hiện trong khoảng thời gian từ năm 2015 - 2016 có sửa chữa nhà hai tầng cạnh chợ VH, quá trình sửa chữa lại nhà ở của hai cụ thì tại bảng kê chi tiêu chăm sóc bố mẹ có chữ ký của bà Nh, bà Ph, bà T, bà V và sổ gia đình do bà Nh, bà V quản lý trong các trang nhật ký chi tiêu thể hiện các khoản tiền điện, nước hàng tháng, chi tiêu cho việc sửa chữa mua sắm bổ sung trang thiết bị trong nhà, bổ sung vật liệu xây dựng, sửa sang nhà cửa của cụ Q, cụ U các hóa đơn vật liệu xây dựng do ông Ch ký nhận, nhưng nguồn tiền để chi trả cho các khoản chi tiêu trên được lấy từ tiền của cụ Q, cụ U và được bà Nh, bà V ghi chép kê khai cẩn thận. Tại đơn kháng cáo bà V, ông Ch, bà Nh

cũng trình bày năm 2010 làm lại nhà cụ Q có bỏ ra số tiền gần 200.000.000 đồng.

Như vậy, đủ căn cứ xác định ngôi nhà hai tầng cạnh chợ VH, tại thời điểm lập di chúc thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Q và cụ U. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng nhà hai tầng cạnh chợ VH là do vợ chồng bà V, ông Ch bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa là không có căn cứ và không có căn cứ xác định hai cụ Q, cụ U cho bà V ngôi nhà này.

[3.2] *Đối với nhà bên trong chợ VH (Quán bán hàng trong chợ VH):* Theo kết quả thẩm định tại chỗ thì có tứ cận phía Đông, Tây, Nam giáp thổ ông Hoạt, phía Bắc giáp chợ VH. Mái lợp bro xi măng; đòn tay bằng luồng, sắt, gỗ. Giá trị là 11.282.257 đồng. Tuy diện tích ngôi nhà nêu trong di chúc là (24m²) có khác với diện tích thực tế là (17m²), nhưng vị trí ngôi nhà được mô tả trong di chúc hoàn toàn phù hợp với vị trí ngôi nhà bà V, ông Ch đang quản lý: “Phía Bắc giáp chợ, phía Đông, Tây, Nam giáp anh Hoạt”. Như vậy, ngôi nhà làm quán bán hàng trong chợ VH nêu trong di chúc và ngôi nhà bà V, ông Ch đang quản lý là một. Gian bán hàng này có nguồn gốc là của cụ Q được UBND xã VH giao đất trong chợ để làm quán bán hàng tại chợ VH. Quán bán hàng trên được sửa chữa nhiều lần.

Bà V cho rằng cụ U đã cho bà V quán trên, nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ là bà V được hai cụ tặng cho. Tại các lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị U; người làm chứng là bà Lê Thị Th, ông Đậu Minh Đ, anh Bùi Q B xác định: Nhà trong chợ VH là của vợ chồng cụ Q. Vào khoảng năm 1995 -1996 vợ chồng cụ Q bán lại quán cho chị U 4 chỉ vàng, sau một thời gian sử dụng do chật chội nên chị U đã trả lại cho vợ chồng cụ Q. Năm 2006 ông Đ cùng anh em thợ xây, được vợ chồng cụ Q thuê đập bỏ nhà cũ, xây mới khoảng 17m² lợp Pro xi măng, năm 2011-2013 cho anh B mượn để làm kho chứa hoa quả. Sự việc chị U trả lại quán và được cụ Q trả cho 4 chỉ vàng được bà V xác nhận tại Biên bản hòa giải ngày 12/8/2019 cũng tại biên bản hòa giải bà V còn nêu quan điểm: “*Quán ở trong chợ bố mẹ đã cho tôi sau đó bán cho cháu U, nhưng cháu U đã trả lại thì quán đó vẫn là của tôi, vì nếu cháu U sử dụng thì hai cụ sẽ bù cho tôi chỗ khác*”. Bà V xác nhận sự việc hai cụ bán quán bên trong chợ cho chị U là đã thừa nhận ngôi nhà này có nguồn gốc và thuộc quyền sở hữu của hai cụ Q và cụ U. Bà V không chứng minh được vợ chồng cụ Q cho bà V ngôi nhà sau khi chị U trả lại, nên không có căn cứ xác định nhà (quán) trong chợ VH là thuộc quyền sở hữu của bà V tại thời điểm hai cụ lập di chúc.

Ông Ch, bà V cho rằng ông bà đã bỏ tiền ra để mua vật liệu, thuê thợ và sử dụng quán này. Một số người làm chứng là ông Vũ Văn R, ông Vũ Văn Ch, ông Vũ Văn Q, ông Lê Văn M, ông Hoàng Văn Đ2, bà Phan Thị D xác nhận năm 1986, 1988, 1990, 1997, 1998, 2003, 2014 những người này được vợ chồng bà V thuê xây, sửa nhà (quán bán hàng) trong chợ VH; nội dung của các giấy

xác nhận đó chỉ nói chung chung là chở vật liệu xây dựng cho ông Ch, bà V, mặt khác nội dung của những tờ giấy xác nhận mâu thuẫn với nội dung bà V thừa nhận: “*Quán ở trong chợ bố mẹ đã cho tôi, sau đó bán cho cháu U*”. Như vậy việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo lại quán bán hàng trong chợ VH được thực hiện nhiều lần, việc trả tiền công thợ do cả 2 cụ và vợ chồng bà V, ông Ch thực hiện. Tuy nhiên, thực tế trong quá trình sử dụng việc cho thuê quán, bán quán chợ cho người khác do các cụ quyết định, điều đó khẳng định các cụ có toàn quyền sở hữu đối với gian quán bán hàng này, việc bà V, ông Ch cho rằng các cụ đã cho ông bà và ông bà đã tự bỏ tiền ra để thực hiện việc xây dựng, cải tạo quán, nên quán thuộc quyền sở hữu của ông bà là không phù hợp. Không có căn cứ chứng minh quán trong chợ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà V, ông Ch. Như vậy, có thể khẳng định gian bán hàng trong chợ VH là tài sản của cụ Q, cụ U; tại thời điểm lập di chúc thuộc quyền sở hữu của các cụ và việc các cụ định đoạt trong di chúc là hợp pháp. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng quán bán hàng trong chợ là do vợ chồng bà V, ông Ch bỏ tiền ra xây dựng là không có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với 02 thửa đất số 552 và thửa đất số 553, tờ bản đồ 1A; địa chỉ đường ngang ĐH, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình, đã được UBND huyện KS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 677120 và AI 677119 ngày 23/8/2007 mang tên Nguyễn Xuân Q (nay là thửa đất số 73 và thửa đất số 74, tờ bản đồ số 04); địa chỉ thửa đất: tại xóm TC, xã VH. Ngày 25/12/2014 cụ Q và cụ U ủy quyền cho 07 người con gái có quyền quyết định bán để lấy tiền nuôi dưỡng hai cụ. Một số chị em ở xa không có điều kiện tập chung, nên thống nhất giao cho bà V toàn quyền rao bán.

Các bị đơn kháng cáo cho rằng 02 thửa đất số 552 và thửa số 553 các cụ đã định đoạt từ trước khi lập di chúc, nên hai thửa đất trên không còn là di sản thừa kế của cụ Q, cụ U nữa. Bà V cho rằng do không còn tiền chi tiêu cho bố mẹ và chưa bán được 2 thửa đất này, nên bà V đã vay tiền, vàng để mua 02 thửa đất trên với giá trị là 240.000.000 đồng, cuối năm 2017 ông Ch, bà V mới tìm được người mua 02 thửa đất trên và khi bán được thì ông Ch, bà V sẽ lấy lại số tiền 240.000.000 đồng đã vay để chi tiêu cho 2 cụ trước đó. Tuy nhiên căn cứ 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bị đơn giao nộp, thì việc giao dịch mua bán quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 552 cho vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị H và thửa đất số 553 cho vợ chồng ông Bùi Văn A, bà Phạm Thị L có chữ ký của các bên được thực hiện vào tháng 12/2015, tức là thời điểm cuối năm 2015 ông A, bà L và ông H, bà H đã tiến hành làm các thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với cụ Q, cụ U, chứ không phải đến năm 2017 mới có người mua đất như bà V trình bày. Bà V cũng khẳng định là khi bán được 02 thửa đất này, sẽ lấy lại số tiền 240.000.000 đồng mà bà V đã bỏ ra trước đó để chi tiêu cho bố mẹ. Thực tế thì bà V sau này cũng đã đưa những người mua đất đến để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chính cụ Q, cụ U, chứ bà V không phải là người có quyền thực hiện các giao dịch chuyển nhượng

quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này. Giữa vợ chồng bà V và vợ chồng cụ Q không có thỏa thuận hay giao dịch gì về việc chuyển quyền sử dụng 02 thửa đất cho vợ chồng bà V. Tại bản tường trình ngày 19/8/2019 bà V, bà Nh, ông Ch cùng thừa nhận: *“Do không có tiền chi tiêu cho bố mẹ, nên bà V đã chạy tiền bỏ ra 240.000.000 đồng tương Đ với 2 suất đất lúc bấy giờ để giao cho bà Ph, bà Nh chi tiêu chăm sóc bố mẹ, rồi gọi người bán đất sau”*. Như vậy, bà V bỏ tiền ra không nhằm mục đích mua đất, mà là ứng tiền chi tiêu cho hai cụ Q, cụ U, để khi nào bán được đất sẽ nhận tiền lại sau. Ngoài ra còn được chứng minh bằng lời khai của bà V thể hiện: Năm 2018 bà V cùng hai người mua đất và cán bộ địa chính đưa hồ sơ lên cho các cụ ký thì ông Đ, bà H và con trai ông Đ đe đánh và đuổi ra khỏi nhà không cho gặp các cụ để ký. Tại thời điểm lập di chúc cho đến khi hai cụ chết thì 02 thửa đất nêu trên vẫn mang tên cụ Q, chưa làm thủ tục cYên quyền cho ai. Như vậy, việc các cụ định đoạt hai thửa đất trong di chúc là hoàn toàn hợp pháp. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng 02 thửa đất số 552 và thửa số 553 bà V đã bỏ tiền ra mua lại, nay là tài sản của ông Ch, bà V là không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Đối với 69 chỉ vàng do bà Nh giữ hộ ngày 20/4/2015.

Đối với 69 chỉ vàng bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm không căn cứ vào sổ gốc ghi nợ của cụ Q đã gạch sổ xác định bà Nh không còn nợ, không căn cứ vào giấy xác nhận hết nợ ghi ngày 18/4/2017 để đối chất. Ngày 11/10/2019 Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về nội dung số vàng 69 chỉ bà Nh ký nhận giữ hộ cụ Q vào ngày 20/4/2015. Tại biên bản đối chất bà Nh trình bày ngày 18/4/2017 cụ Q lấy từ bà Nh số vàng 03 chỉ, 01 dây cU, 01 mặt dây tổng cộng là 11 chỉ và 01 lắc vàng tây 1,53 chỉ là số vàng mẹ đẻ bà cụ U gửi bà Nh giữ hộ. Như vậy giấy xác nhận hết nợ ghi ngày 18/4/2017 là xác nhận nội dung liên quan đến số vàng trên chứ không phải là số vàng 69 chỉ. Sổ gốc ghi nợ của cụ Q có nội dung *“Ngày 20/4/2015 (tức ngày mùng 2 âm lịch) con Nh còn giữ hộ thầy mẹ tổng đến ngày nay 69 chỉ (sáu mươi chín chỉ vàng)”*, bên dưới bà Nh đã ký tên, nội dung này đã bị gạch xóa. Về nguồn gốc số vàng trên bà Nh trình bày là do bà Ph, bà T cYên cho bà Nh giữ hộ, bà Nh chỉ ký nhận trên sổ sách, thực tế chỉ còn 24 chỉ vàng. Nhưng sổ ghi nợ thể hiện trước đó bà Nh có vay của bố mẹ 06 cây vàng được ghi lại hai lần, trước nội dung xác nhận nợ ngày 20/4/2015 và đều đã bị gạch xóa là phù hợp với khoản 69 chỉ vàng của bà Nh giữ. Điều này cho thấy khoản 69 chỉ vàng này không liên quan đến số tiền chi tiêu 24 chỉ vàng mà bà Nh nhận lại từ bà Ph và bà T. Mặc dù khoản 69 chỉ vàng đã bị gạch xóa nhưng theo như di chúc và trình báo ngày 10/6/2018 của cụ Q và cụ U thì các cụ không gạch vào phần nợ của bà Nh. Bà Nh trình bày số vàng 69 chỉ này đã chi tiêu hết cho các cụ nhưng khi chốt sổ chi tiêu chỉ thể hiện việc chi tiêu số

vàng 24 chỉ và số tiền bán đất của hai cụ. Do đó, bà Nh cho rằng đã trả hết các khoản vàng giữ hộ các cụ là không có căn cứ chấp nhận.

[3.5]Đối với khoản tiền 20.000.000 đồng ông Ch vay ngày 10/10/2016.

Tại lời khai của ông Ch, bà V, bà Nh, bà T, bà Ph và các sổ ghi chép chi tiêu cho các cụ thể hiện: ngày 21/3/2018 ông Ch đã trả số tiền 20.000.000 đồng, nhưng không trả trực tiếp cho cụ Q mà trả thông qua bà Ph, bà T. Sau đó bà Ph, bà T cYển số tiền này cho bà Nh để bù vào phần bà Nh còn tI khi chi tiêu cho các cụ và còn dư lại số tiền là 10.853.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ch, bà Nh cho rằng số tiền 10.853.000 đồng, đã đưa cho ông Đ H để phục vụ chi tiêu tiếp cho các cụ, nhưng vợ cH ông Đ H không nhận, nên bà Nh tiếp tục quản lý số tiền là 10.853.000 đồng này. Đối chiếu với sổ chi tiêu của các cụ, số tiền này đã được chi phí cho các cụ còn thiếu của bà Nh số tiền là 9.147.000 đồng, bù vào khoản tiền 20.000.000 đồng này, thì bà Nh hiện nay còn giữ số tiền là 10.853.000 đồng của hai cụ.

Từ những nhận định trên, Toà án cấp sơ thẩm xác định: 01 căn nhà 2 tầng diện tích 50m² cạnh chợ VH; 01 nhà (quán bán hàng) trong chợ VH; 02 thửa đất số 552 và thửa số 553, tờ bản đồ số 1A, (nay là thửa 73 và thửa 74, tờ bản đồ số 4) xã VH, mỗi thửa có diện tích 110m²; 69 chỉ vàng và khoản tiền 10.853.000 đồng (hiện bà Nh đang quản lý) đều là di sản thừa kế của cụ Q và cụ U là có căn cứ, đúng pháp luật. Di chúc của cụ Q và cụ U đã định đoạt những tài sản trên là phù hợp, di chúc là hợp pháp về mặt hình thức và nội dung. Ông Ch, bà V, bà Nh kháng cáo cho rằng di chúc không hợp pháp, các tài sản được định đoạt trong di chúc không còn là di sản thừa kế của cụ Q và cụ U là không có căn cứ.

[4] Đối với việc ông Ch, bà V đã bỏ ra số tiền 240.000.000 đồng để chi tiêu cho cụ Q và cụ U.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ch, bà V cho rằng do không có tiền chi tiêu cho cụ Q và cụ U, nên bà V đã bỏ ra ứng trước 240.000.000đ đưa vào quỹ chung và chi tiêu cho hai cụ Q và cụ U. Sau này ông Ch, bà V thay đổi lời khai cho rằng đây là tiền ông Ch, bà V bỏ ra mua hai thửa đất của cụ Q, cụ U, nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc mua bán chuyển nhượng. Việc ông Ch, bà V đã ứng ra 240.000.000 đồng để chi phí chăm sóc cụ Q, cụ U, tuy không được bên nguyên đơn chấp nhận, nhưng sự việc này đã được bà Nh, bà Ph, bà T thừa nhận và đã quyết toán trong cuốn sổ chi tiêu do bà Nh ghi chép. Bà V ứng tiền ra để chi tiêu cho bố mẹ nhưng chưa được thanh toán, sau khi cụ Q và cụ U chết, vợ cH ông Ch, bà V chưa được thanh toán khoản tiền này trong khối di sản thừa kế của cụ Q và cụ U để lại. Ông Đ, bà H là người được hưởng di sản thừa kế phải có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 240.000.000 đồng cho ông Ch, bà V. Ngoài ra vợ chồng bà V là người trông coi, bảo quản di sản thừa kế. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc ông Đ, bà H phải thanh

toán cho ông Ch, bà V khoản tiền 240.000.000 đồng mà ông Ch, bà V đã bỏ ra chi tiêu cho cụ Q, cụ U và khoản tiền 50.000.000 đồng tiền công trông coi, bảo quản di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 658 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với án lệ số 05/2016/AL.

[5] Đối với hai thửa đất số 552 và thửa số 553, tờ bản đồ số 1A, xã VH, hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M.

Sau khi Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KS và Bản án phúc thẩm số 08/2020/DS-PT ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có hiệu lực pháp luật. Cơ quan thi hành án dân sự huyện KS cưỡng chế thi hành án đối với 02 thửa đất số 552 và thửa số 553, tờ bản đồ số 1A, xã VH, đã được giao cho ông Nguyễn Quốc Đ và bà Trần Thị H. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/8/2021 ông Đ, bà H đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con là anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Hoàng Thị Đ2. Việc anh Đ1 và chị Đ2 nhận tặng cho quyền sử dụng hai thửa đất trên là công khai, ngay tình và hợp pháp. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 05/04/2023 chị Đ2 và anh Đ1 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 552 và thửa số 553 cho ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M (nay là thửa số 73 và thửa số 74 tờ bản đồ số 4 xã VH).

Hiện nay 02 thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị M. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự, thì ông U, bà M là người thứ ba ngay tình, nên giao dịch dân sự trên không bị vô hiệu. Hơn nữa hai thửa đất số 552 và thửa số 553 là di sản thừa kế của cụ Q và cụ U. Do đó, bà V, ông Ch kháng cáo cho rằng hai thửa đất số 552 và thửa số 553 là của bà V, ông Ch là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm ngày 19/4/2024 bị đơn bà V, ông Ch có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm thay đổi hiện trạng đang tranh chấp” đối với hai thửa đất số 552 và thửa số 553, do ông U, bà M cố ý xây dựng trên 2 thửa đất là tài sản đang tranh chấp; Ngày 02/5/2024 ông Ch, bà V có đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với hai thửa đất trên, nhưng sau đó ông Ch có đơn xin rút lại đề nghị trên. Ngày 09/5/2024 Tòa án tiến hành làm việc với đại diện UBND xã VH, đại diện Công an xã, Trưởng xóm TC xã VH, và các đương sự, xác định: Ngày 18/4/2024 gia đình ông U, bà M có xây dựng 01 móng nhà trên thửa đất số 552 (nay là thửa đất 73), dưới nền cọc bê tông, trên đổ giằng sắt thép tổng 40m³ bê tông, 46 cọc bê tông loại dài 5m, móng cao 70 cm so với mặt đường, chiều dài 22m, chiều rộng 05m; Thửa số 553 (nay là thửa số 74) vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có công trình gì trên đất. Sau khi UBND VH có Văn bản yêu cầu

gia đình ông U, bà M tạm dừng việc xây dựng khi Toà án đang giải quyết vụ án tranh chấp, thì hiện tại gia đình ông U, bà M đã tạm dừng việc xây dựng công trình trên thửa đất số 552.

[7] Về kết quả thi hành án: Căn cứ báo cáo số 172/BC-CCTHADS ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS thể hiện: Sau khi Bản án sơ thẩm số 06/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KS và Bản án phúc thẩm số 08/2020/DS-PT ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình có hiệu lực pháp luật.

Ngày 20/8/2020 ông Đ và bà H đã nộp số tiền 390.700.000 đồng để thi hành án. Theo Quyết định của bản án thì ông Đ, bà H phải thanh toán cho ông Ch và bà V số tiền là 240.000.000 đồng, mà ông Ch, bà V đã bỏ ra chi tiêu cho 2 cụ và khoản tiền 50.000.000 đồng tiền công sức trông coi, bảo quản di sản thừa kế. Tổng cộng là 290.000.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền đã thi hành án của ông Đ, bà H nhiều hơn số tiền phải thi hành án (là 390.700.000 đồng - 290.000.000 đồng = 100.700.000 đồng). Tại Quyết định số 08/2023/QĐ-SCBSBA ngày 23/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện KS đã sửa chữa, bổ sung nội dung “Số tiền còn lại 100.700.000 đồng đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự Yên KS trả lại cho ông Đ, bà H theo quy định của pháp luật” là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn bà V, ông Ch, bà Nh.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn ông Đ, bà H đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng và không có yêu cầu các bên liên quan phải thanh toán lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Ch, bà V, bà Nh là người cao tuổi. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; thì ông Ch, bà V, bà Nh thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Yên KS, tỉnh Ninh Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Hoàng Văn Ch, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Phong Nh được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nh số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Nh đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005063 ngày 31/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05 tháng 6 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND Yên KS;
- Chi cục THADS - Yên KS;
- Phòng KTNV - THA;
- Các Đ sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Sâm